

BẢN SẠO

CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG ĐIỆN THUẬN BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 – 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 45

CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG ĐIỆN THUẬN BÌNH

Thôn Lạc Trị, Xã Phú Lạc, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BẢN SAO

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 từ trang 6 đến trang 45 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Văn Thịnh	Chủ tịch	
Ông Võ Phùng Thuận	Thành viên	
Ông Lê Văn Quang	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 18/08/2017
Ông Tôn Thất Hùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Trọng Oánh	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 18/08/2017

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Khuyên	Trưởng ban
Ông Phạm Hoàng Vinh	Thành viên
Ông Vũ Như Thành	Thành viên

Giám đốc

Ông Bùi Văn Thịnh	Giám đốc	
Ông Phạm Văn Tin	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/12/2017

Cán bộ phụ trách kế toán của Công ty đến ngày 16/7/2017 và kế toán trưởng của Công ty từ ngày 17/7/2017 đến ngày lập báo cáo này là Ông Đinh Gia Tuấn.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG ĐIỆN THUẬN BÌNH

Thôn Lạc Trĩ, Xã Phú Lạc, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính này. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bùi Văn Thịnh

Giám đốc

Bình Thuận, ngày 02 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình, được lập ngày 02 tháng 03 năm 2018, từ trang 6 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phan Phan Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số 1496-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP.HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2018

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số 1828-2018-112-1

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

SỐ CHỨNG THỰC: 214... QUYỂN SỐ: 07.....SCT/BS

ngày 08 tháng 3 năm 2019.

TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP HUYỆN TUY PHONG



Nguyễn Thị Tây Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		89.922.901.156	70.850.493.485
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	44.601.726.440	18.355.645.936
Tiền	111		2.951.726.440	4.305.645.936
Các khoản tương đương tiền	112		41.650.000.000	14.050.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.560.237.504	32.435.705.393
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	29.896.010.326	31.108.274.204
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.451.964.876	1.124.966.750
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.212.262.302	202.464.439
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.760.937.212	20.059.142.156
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.125.003	4.688.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.702.530.632	20.054.454.156
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	56.281.577	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		746.452.387.468	806.351.775.119
Tài sản cố định	220		739.043.858.955	796.010.494.231
Tài sản cố định hữu hình	221	10	736.561.407.985	793.137.011.861
- Nguyên giá	222		816.549.946.112	810.712.661.170
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.988.538.127)	(17.575.649.309)
Tài sản cố định vô hình	227	11	2.482.450.970	2.873.482.370
- Nguyên giá	228		2.564.152.422	2.890.852.122
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(81.701.452)	(17.369.752)
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.953.161.683	6.751.906.765
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	6.953.161.683	6.751.906.765
Tài sản dài hạn khác	260		455.366.830	3.589.374.123
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	455.366.830	3.589.374.123
TỔNG TÀI SẢN	270		836.375.288.624	877.202.268.604

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		697.364.485.137	679.115.468.453
Nợ ngắn hạn	310		97.021.117.361	90.407.162.967
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	2.046.257.618	22.466.995.100
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	246.089.716	872.003.039
Phải trả người lao động	314		232.094.888	252.621.890
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	23.216.705.538	5.357.159.348
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.658.262.154	1.156.599.761
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	69.501.561.892	60.301.382.274
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		120.145.555	401.555
Nợ dài hạn	330		600.343.367.776	588.708.305.486
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	600.343.367.776	588.708.305.486
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		139.010.803.487	198.086.800.151
Vốn chủ sở hữu	410	18	139.010.803.487	198.086.800.151
Vốn góp của chủ sở hữu	411		163.000.000.000	156.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		163.000.000.000	156.800.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.184.324.442	548.032.442
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		77.019.884	77.019.884
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(25.250.540.839)	40.661.747.825
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		39.495.211.825	746.083.078
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(64.745.752.664)	39.915.664.747
TỔNG NGUỒN VỐN	440		836.375.288.624	877.202.268.604

Bình Thuận, ngày 02 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Doan



Đinh Gia Tuấn



Bùi Văn Thịnh

BẤY SẠO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	113.528.769.498	28.480.249.276
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		113.528.769.498	28.480.249.276
Giá vốn hàng bán	11	20	82.200.836.407	23.104.121.758
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.327.933.091	5.376.127.518
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	3.839.332.911	38.455.842.309
Chi phí tài chính	22	22	92.793.108.840	1.743.955.759
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.213.440.006</i>	<i>1.743.955.759</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	7.111.367.695	1.966.904.718
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(64.737.210.533)	40.121.109.350
Thu nhập khác	31		5.454.544	20
Chi phí khác	32	24	13.996.675	2.653.979
Lợi nhuận khác	40		(8.542.131)	(2.653.959)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(64.745.752.664)	40.118.455.391
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	202.790.644
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(64.745.752.664)	39.915.664.747
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(4.012)	3.943
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	(4.012)	3.943

Bình Thuận, ngày 02 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Doan

Đinh Gia Tuân



Bùi Văn Thịnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(64.745.752.664)	40.118.455.391
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		62.522.275.618	16.949.124.074
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		78.053.884.906	(9.052.353.363)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.326.469.563)	(436.916.864)
Chi phí lãi vay	06		9.213.440.006	1.743.955.759
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		82.717.378.303	49.322.264.997
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		7.399.341.920	(50.801.532.057)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		(1.440.188.733)	28.608.742.791
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		3.136.570.290	(1.270.912.123)
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.213.440.006)	(1.426.691.037)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(183.648.095)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		82.597.661.774	24.248.224.476
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.539.596.006)	(640.630.930.406)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.098.237.479	436.916.864
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.441.358.527)	(640.194.013.542)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

HÀNG SAO

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		6.200.000.000	74.800.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		3.208.345.605	601.907.424.586
Tiền trả nợ gốc vay	34		(60.318.568.348)	(51.061.225.652)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(50.910.222.743)	625.646.198.934
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		26.246.080.504	9.700.409.868
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	18.355.645.936	8.655.236.068
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	44.601.726.440	18.355.645.936

Bình Thuận, ngày 02 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Doan

Đinh Gia Tuấn



Bùi Văn Thịnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400675644 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu vào ngày 16 tháng 01 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 ngày 28 tháng 10 năm 2009, thay đổi lần 3 ngày 6 tháng 05 năm 2015 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 240.000.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở hoạt động tại Thôn Lạc Trĩ, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình công ích
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác
- Hoạt động tư vấn quản lý
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ được hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty thường quay vòng thường xuyên và liên tục trong năm.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty đang nghiên cứu và triển khai một số dự án điện gió tại các tỉnh thành trong cả nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)



1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty không có công ty con, các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc.

1.7 TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY

a. Tình hình thực hiện và các văn bản quan trọng liên quan đến dự án Nhà máy điện gió Phú Lạc

Nhà máy điện gió Phú Lạc tại xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận được xây dựng với mục tiêu khai thác tài nguyên năng lượng gió để sản xuất điện năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Tổng công suất 50 MW, trong đó:

- Giai đoạn 1: công suất 24 MW
- Giai đoạn 2: công suất 26 MW

Tổng vốn đầu tư giai đoạn 1 là 52,28 triệu USD tương đương 1.089.075.645.782 VND, trong đó:

- Đóng góp của chính phủ Đức (ODA) từ nguồn viện trợ vay phát triển thuộc chương trình IKLU là 44,45 triệu USD (tương đương 35 triệu EUR).
- Đóng góp của các cổ đông Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình là 7,83 triệu USD.
- Thời gian thực hiện dự án giai đoạn 1: 2 năm (2013-2015)

Các văn bản quan trọng liên quan đến dự án:

- Giấy chứng nhận đầu tư số 48121000422 do UBND tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 27/08/2009 và cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 07/07/2011.
- Quyết định số 01/QĐ-TBW-HDQT ngày 29/11/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện gió Phú Lạc – giai đoạn 1. Tổng mức đầu tư của dự án là 863.260.246.379 VND.
- Quyết định số 02/QĐ-TBW-HDQT ngày 29/11/2011 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh dự án Nhà máy điện gió Phú Lạc – giai đoạn 1. Tổng mức đầu tư của dự án là 1.089.075.645.782 VND.
- Quyết định số 6895/QĐ-BTC ngày 28/12/2011 của Bộ Công thương về việc phê duyệt bổ sung Nhà máy điện gió Phú Lạc vào “Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2006 – 2010 có xét đến 2015”.
- Công văn số 10456/BKHDT-KTDN ngày 17/12/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Thủ tướng Chính phủ về việc trình phê duyệt danh mục dự án “Nhà máy điện gió Phú Lạc 1” sử dụng ODA của chính phủ Đức.
- Công văn số 93/VPCP-QHQT ngày 04/01/2013 của Văn phòng chính phủ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương, Bộ Tài chính và Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt danh mục Dự án “Nhà máy điện gió Phú lạc giai đoạn I” sử dụng ODA của Chính phủ Đức. Theo văn bản này thì Văn phòng Chính phủ đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Công thương làm rõ cơ chế quản lý vai trò và trách nhiệm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam trong quá trình thực hiện Dự án trên, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt danh mục trong tháng 1 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)

1.7. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY (TIẾP)

a. Tình hình thực hiện và các văn bản quan trọng liên quan đến dự án Nhà máy điện gió Phú Lạc (tiếp)

- Công văn số 271/TTg-QHQT ngày 01/03/2013 về việc Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục dự án “Nhà máy điện gió Phú Lạc – giai đoạn 1” sử dụng vốn ODA của Chính phủ Đức.
- Công văn số 1014/QĐ-TTg ngày 27/06/2013 về việc phê duyệt nội dung Hiệp định vay vốn giữa Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW) và nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho Dự án “Nhà máy điện gió Phú Lạc – Giai đoạn 1” xét theo đề nghị của Bộ tài chính tại tờ trình số 7839/BTC-QLN ngày 18 tháng 6 năm 2013. Theo công văn này thì Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nội dung dự thảo Hiệp định vay vốn trên và ủy quyền cho Lãnh đạo Bộ Tài chính ký Hiệp định vay với đại diện có thẩm quyền của KfW, đề nghị Bộ Ngoại giao hoàn tất thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành cho việc ký nêu trên và giao Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình thực hiện đàm phán và ký với KfW thỏa thuận riêng để thực hiện Hiệp định trên.

Ngày 04 tháng 07 năm 2013, Hiệp định vốn của dự án Nhà máy điện gió Phú Lạc – giai đoạn 1 đã được ký kết giữa Bộ tài chính và Ngân hàng Tái Thiết Đức (KfW).

- Nghị quyết số 04/NQ-TBW-HDQT ngày 31/07/2013 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình thông qua việc điều chỉnh lại các hạng mục và số tiền trong Tổng mức đầu tư dự án Nhà máy điện gió Phú Lạc – giai đoạn 1 (24MW), như sau:

STT	Khoản mục	Số tiền (triệu đồng)
1	Tổng thầu (EPC)	941.701,5
2	Chi phí xây dựng trong nước	17.254,6
3	Chi phí đền bù	11.190,2
4	Chi phí QLDA	10.074,0
5	Chi phí tư vấn trong nước	5.732,3
6	Chi phí tư vấn quốc tế	29.162,0
7	Chi phí khác	22.100,3
8	Chi phí dự phòng	51.860,7
Tổng cộng		1.089.075,6

- Công văn số 8218/VPCP-KTTH ngày 02/10/2013, Văn phòng chính phủ đã phê duyệt cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với dự án Nhà máy điện gió Phú Lạc – giai đoạn 1. Xét đề nghị của Bộ Tài Chính tại công văn số 11518/BTC-QLN ngày 28 tháng 8 năm 2013 về việc cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với dự án Nhà máy Điện gió Phú Lạc giai đoạn 1 là cho vay lại toàn bộ nguồn vốn vay của Chính phủ Đức; các điều kiện vay lại cụ thể được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 78/2010/ND-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ, riêng thời gian vay lại được kéo dài thêm 03 năm so với thời gian vay của nước ngoài (trả gốc trong 13 năm) và được trả gốc theo lịch trả nợ linh hoạt và cho phép ứng vốn từ Quỹ tích lũy trả nợ cho phần chênh lệch khi áp dụng lịch trả nợ linh hoạt và kéo dài thời gian cho vay theo quy định tại Quyết định số 01/2013/QĐ-TTg ngày 7 tháng 1 năm 2013 ban hành Quy chế lập, cử dụng và quản lý Quỹ tích lũy trả nợ.
- Hợp đồng ủy quyền cho vay lại số 01/2014/UQ/BTC-QLN ngày 13/01/2014 giữa Bộ Tài Chính và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực với công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình vay lại vốn vay KfW của chính phủ đầu tư dự án Nhà máy điện gió Phú Lạc – giai đoạn 1 với tổng số tiền cho vay lại là 35.000.000,00 EUR.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)

1.7. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY (TIẾP)

a. Tình hình thực hiện và các văn bản quan trọng liên quan đến dự án Nhà máy điện gió Phú Lạc (tiếp)

- Hợp đồng cho vay lại số 01/2014/HDCVL/TCDL-TBW/Phú_Lạc 1 ngày 10/02/2014 giữa Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực với Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận bình vay lại vốn vay KfW của Chính phủ đầu tư dự án Nhà máy điện gió Phú Lạc – giai đoạn 1 với tổng số tiền vay là 35.000.000,00 EUR.
- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay số 01/2014/HĐTC-TCDL-TBW/Phú_lạc 1 ngày 28/04/2014 giữa Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực với Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình với tổng giá trị tài sản thế chấp tạm tính theo tổng mức đầu tư được duyệt tại quyết định số 02/QĐ-TBW-HĐQT ngày 29/11/2011 và quyết định số 12/QĐ-TBW-HĐQT ngày 05/08/2013 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình là 1.089.075645.782 VND. Giá trị chính thức của tài sản thế chấp được xác định khi Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình hoàn thành quyết toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hai bên cùng tiến hành định giá lại tài sản thế chấp và tiến hành các thủ tục như nêu tại điều 4 của hợp đồng này.

Những công việc đã thực hiện đến hết quý IV/2017:

- Dự án Nhà máy điện gió Phú Lạc – giai đoạn 1 đã hoàn thành và đưa vào vận hành từ tháng 9/2016 theo đúng tiến độ Hợp đồng, đảm bảo chất lượng, an toàn và không làm tăng giá trị Hợp đồng tổng thầu EPC;
- Năm 2016, sản lượng điện thương phẩm đạt 16,02 triệu kWh tính từ tháng 9 đến tháng 12/2016;
- Ngày 03/4/2017, Văn phòng chính phủ phê duyệt gia hạn thời gian thực hiện và giải ngân Dự án sử dụng vốn ODA của Chính phủ Đức tại công văn số 3193/VPCP-QHQT, theo đó thời gian giải ngân của Dự án đến hết 31/12/2018;
- Ngày 06/6/2017, Bộ Công Thương có ý kiến thống nhất về kế hoạch triển khai công tác quyết toán dự án hoàn thành tại công văn số 4966/BCT-TCNL;
- Quý III/2017, triển khai công tác đấu thầu lựa chọn Tư vấn thực hiện kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành;
- Dự án Nhà máy điện gió Phú Lạc – giai đoạn 1 đã vinh dự nhận giải thưởng “Dự án điện gió tiêu biểu Châu Á năm 2017”;
- Sản lượng điện thương phẩm năm 2017 đạt 62,98 triệu kWh vượt so với sản lượng dự kiến trong Báo cáo Nghiên cứu khả thi (FS) là 59 triệu kWh;
- Hoàn thành công tác trả nợ gốc kỳ 05/26 theo đúng Hợp đồng cho vay lại đã ký giữa TBW và Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực;
- Hiện nay Công ty và đơn vị Tư vấn đang thực hiện công tác kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành và dự kiến sẽ hoàn thành trong quý I/2018.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)**1.7. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY (TIẾP)****b. Tình hình thực hiện và các văn bản quan trọng liên quan đến dự án Nhà máy điện gió Lợi Hải**

Năm 2009, Ban điều hành Công ty đã đi khảo sát dự án điện gió tại xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận và đăng kí dự án với UBND tỉnh với diện tích khảo sát là 523ha (sau khi được các Sở, Ban ngành địa phương kiểm tra việc chồng lấn các dự án khác). Đây là vị trí tương đối thuận lợi, bằng phẳng, nằm sát Quốc lộ 1A và đã có cột gió đo Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 3 (PECC3) lắp đặt từ năm 2007 với tốc độ gió trung bình là 7,3m/s tại độ cao 60m.

Ngày 19 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn Điện Lực Việt Nam (EVN) đã có văn bản số 4704/EVN-ĐT gửi UBND tỉnh Ninh Thuận giới thiệu và giao việc cho Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình lập hồ sơ và xây dựng dự án thí điểm sản xuất điện gió tại xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

UBND tỉnh Ninh Thuận đã có văn bản số 1235/UBND-TH ngày 27/03/2013 về việc chấp thuận việc chuyển giao dự án Nhà máy điện gió Lợi Hải-Ninh Thuận cho Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình làm chủ đầu tư. Công ty đang tiếp xúc với Đại sứ quán Đan Mạch và chương trình Danida để thu xếp vốn vay thực hiện dự án.

Ngày 11 tháng 04 năm 2013, Công ty đã có văn bản gửi Đại sứ quán Đan Mạch đề xuất các điều kiện vay của dự án Nhà máy điện gió Lợi Hải - giai đoạn 1 và ngày 22/04/2013, Đại sứ quán Đan Mạch đã có văn bản trả lời về các điều kiện vay của dự án Nhà máy điện gió Lợi Hải.

Thông tin cơ bản về nguồn vốn vay Danida của Đan Mạch như sau:

- Số tiền vay: 100% giá trị hợp đồng thương mại (tương đương 85% TMDT);
- Lãi suất 0% + phí vay lại (tối đa 2%/năm).
- Thời gian trả nợ : 10 năm + ân hạn 6 tháng (tính từ khi dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng);
- Phí cam kết giải ngân : 0,25%;
- Phí quản lí vốn vay: 0,375%.

Về thủ tục vay vốn để thực hiện Dự án

Ngày 16/7/2015 Bộ Tài chính đã ban hành Văn bản số 9737/BTC-QLN về phương thức cho vay lại và mức phí cho vay lại đối với Dự án Nhà máy Điện gió Lợi Hải, sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đan Mạch đề nghị EVNFinance trao đổi với Công ty Cổ phần phong điện Thuận Bình đề xuất phương thức cho vay lại và mức phí cho vay lại, có ý kiến chính thức trước ngày 24/7/2015.

Trên cơ sở Văn bản số 9737/BTC-QLN của Bộ Tài chính ngày 22/7/2015 TBW đã ban hành Công văn số 82/CV-TBW gửi EVNFinance về phương thức cho vay lại và mức phí cho vay lại cho Dự án với nội dung chính sau:

- Theo như đề suất ngày 17/11/2014 của EVNFinance tại Công văn 435/CV-TCDL-QL&CVL nêu trên so với điều kiện cho vay của Danida là 10 năm + 6 tháng ân hạn là không thể đáp ứng khả năng trả nợ;
- TBW kiến nghị EVNFinance giảm mức lãi cho vay lại từ 1,5%/năm/dư nợ xuống 1,0%/năm/dư nợ (chưa bao gồm phí cho vay lại Bộ Tài chính hưởng 0,2%/năm/dư nợ) và điều chỉnh Tổng mức đầu tư Dự án từ 1.138 tỷ xuống 1.000 tỷ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)****1.7 TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY (TIẾP)****b. Tình hình thực hiện và các văn bản quan trọng liên quan đến dự án Nhà máy điện gió Lợi Hải (tiếp)**

Ngày 24/7/2015 EVNFinance có Công văn 560/CV-TCDL-QLUT&CVL gửi TBW về cơ chế tài chính dự kiến đối với dự án Nhà máy Điện gió Lợi Hải vay ODA Đan Mạch tại Công văn này EVNFinance tiếp tục khẳng định Dự án chỉ có thể đảm bảo khả năng trả nợ với thời hạn vay vốn là 17 năm, giá điện tối thiểu là 7,8 cent/kwh. Khi so sánh với điều kiện vay theo khung của DANIDA (thời hạn vay là 10 năm + 6 tháng ân hạn) thì khả năng trả nợ của Dự án hiện không đáp ứng được thời gian vay.

Ngày 05/8/2015 Bộ Tài chính đã ban hành Văn bản số 10676/BTC-QLN về sử dụng nguồn vốn ODA của Chính phủ Đan Mạch cho dự án điện gió năm 2015. Trên cơ sở đề xuất của EVNFinance tại Công văn số 552B/CV-TCDL-TXV&TVTC ngày 23/7/2015 về cơ chế tài chính dự kiến đối với dự án Nhà máy Điện gió Lợi Hải giai đoạn 1 vay ODA Đan Mạch. Bộ Tài chính sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc tạm dừng xem xét Dự án Nhà máy Điện gió Lợi Hải giai đoạn 1 vào danh mục sử dụng vốn ODA của Chính phủ Đan Mạch.

Song song với công tác thu xếp vốn vay từ tín dụng hỗn hợp của Chính phủ Đan Mạch để triển khai dự án Nhà máy điện gió Lợi Hải – giai đoạn 1. Công ty cũng đang tìm kiếm các nguồn vốn ưu đãi khác để triển khai dự án Nhà máy điện gió Lợi Hải – giai đoạn 2, trong đó có Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) và Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW).

c. Tình hình thực hiện và các văn bản quan trọng liên quan đến dự án Nhà máy điện gió Lợi Hải 2

- Ngày 24/01/2017, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có Công văn số 356/EVN-QHQT gửi Bộ Công thương về việc đề xuất dự án vay vốn ODA của Chính phủ CHLB Đức;
- Mặc dù ngân hàng Tái thiết Đức (KfW) cam kết tiếp tục cho Công ty vay để triển khai dự án điện gió Lợi Hải (Ninh Thuận) sau thành công tại dự án điện gió Phú Lạc (Bình Thuận), tuy nhiên do EVN có kế hoạch thoái vốn khỏi TBW theo lộ trình từ nay đến hết năm 2018 nên việc vay vốn KfW không thực hiện được;
- Công ty đã làm việc với một số ngân hàng, tổ chức tín dụng, nhà cung cấp thiết bị khác như Ngân hàng Công Thương Trung Quốc - Chi nhánh Hà Nội (ICBC), Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng ING của Hà Lan, LBBW của Đức... để có nguồn vốn phù hợp nhất cho Dự án;
- Ngày 29/9/2017 UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành văn bản số 320/QĐ-UBND ngày Chủ trương đầu tư DA NMDG Lợi Hải 2.

d. Dự án Nhà máy điện Mặt Trời (50MWp) (tỉnh Bình Thuận):

- Ngày 03/3/2017 UBND tỉnh Bình Thuận Văn bản số 740/UBND-KT về việc chấp thuận chủ trương cho Công ty đăng ký dự án điện mặt trời khảo sát, đo năng tại khu vực dự án Phú Lạc;
- Ngày 18/8/2017 Sở Công Thương tỉnh Bình Thuận Văn bản số 1723/SCT-QLĐ về việc cho phép Công ty Cổ phần Phong điện lập và trình Hồ sơ bổ sung quy hoạch nhà máy sản xuất điện từ năng lượng mặt trời tại xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)**1.7.1 TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY (TIẾP)****d. Dự án Nhà máy điện Mặt Trời (50MWp) (tỉnh Bình Thuận) (tiếp):**

- Hoàn thành công tác lập Pre-Fs để hoàn thiện hồ sơ xin bổ sung dự án vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2011-2015 có xét đến 2020;
- Ngày 29/9/2017 Sở Công Thương tỉnh Bình Thuận có Tờ trình số 2130/TTr-SCT về việc trình trình Bộ Công Thương xem xét phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020;
- Ngày 05/10/2017 UBND tỉnh Bình Thuận có Tờ trình số 3925/TTr-UBND gửi Bộ Công Thương về việc thẩm định, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020 (Bổ sung dự án nhà máy mặt trời Phú Lạc 2 – 50 MWp tại xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận);
- Ngày 16/10/2017 Hợp đồng Tư vấn lập FS và Kế hoạch bảo vệ môi trường dự án Nhà máy điện mặt trời Phú Lạc đã được ký giữa Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3; dự kiến hoàn thành trong Quý IV/2017; trình Bộ Công Thương thẩm định, phê duyệt trong Quý I/2018.
- Ngày 17/11/2017 Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo "C Bộ Công Thương có Công văn số 395/DL-KHQH gửi các Cục, Tổng Công ty liên quan tham gia ý kiến đối với Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án Nhà máy điện mặt trời Phú Lạc vào quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Thuận. Hiện tại Công ty đang làm việc, xin ý kiến các Cục, Tổng Công ty liên quan để sớm đưa Dự án vào Quy hoạch;

Hiện nay Công ty đang hoàn thiện báo cáo giải trình, làm rõ các ý kiến của các Tổng Công ty, Cơ quan ban ngành để gửi Cục Điện lực và NLTT, Bộ Công Thương xem xét.

1.8 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 KỶ KẾ TOÁN**

Kỷ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"), và Thông tư 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)



3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

4.1 CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOẢI ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền được áp dụng bên Có Tài khoản tiền ngoại tệ và áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế khi phát sinh các nghiệp vụ bên Nợ Tài khoản tiền. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán.

4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (dưới 12 tháng hay từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	10 - 13
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 13
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Quyền sử dụng đất	45

4.6 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

4.7 VAY VÀ NỢ PHẢI TRẢ THUÊ TÀI CHÍNH

Phân ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, sẽ được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

4.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.9 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.10 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Doanh thu bán hàng (tiếp)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được hưởng một số ưu đãi về thuế suất và miễn giảm thuế theo quy định tại Điều 19 của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính và được sửa đổi bởi Khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với Dự án Nhà máy Điện, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế.
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Kể từ ngày 01/01/2016, thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng thuế suất thuế suất 20%. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)*****Nợ phải trả tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Dánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: bán điện và dịch vụ vận hành trạm biến áp.

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận, theo lĩnh vực kinh doanh của công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, được đưa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.16 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tập đoàn Điện Lực Việt Nam (EVN), Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (REE), Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi, Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Tiền mặt	680.296.523	364.377.202
Tiền gửi ngân hàng	2.271.429.917	3.941.268.734
Các khoản tương đương tiền (*)	41.650.000.000	14.050.000.000
Cộng	44.601.726.440	18.355.645.936

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 4,8% - 5,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các bảng minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	29.896.010.326	-	31.108.274.204	-
- Hydrochina Engineering Coporation	-	-	880.000.000	-
- Công ty Mua Bán Điện Miền Nam	29.896.010.326	-	30.228.274.204	-
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là bên liên quan	-	-	-	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.451.964.876	-	1.124.966.750	-
- Hydrochina Engineering Coporation	1.724.054.876	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	1.078.000.000	-	454.000.000	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật ứng dụng Việt Nam	-	-	540.000.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	649.910.000	-	130.966.750	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
Trả trước cho người bán là bên liên quan	1.078.000.000	-	454.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	1.078.000.000	-	454.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG ĐIỆN THUẬN BÌNH
Thôn Lạc Trì, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.212.262.302	-	202.464.439	-
- Trích trước doanh thu hợp đồng vận hành trạm năm 2017	698.666.667	-	-	-
- Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm	256.725.556	-	28.493.472	-
- Điều chỉnh giảm chi phí QLDA tiền ăn giữa ca chi vượt định mức	172.020.000	-	172.020.000	-
- Phải thu khác	84.850.079	-	1.950.967	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.212.262.302	-	202.464.439	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.125.003	-	4.688.000	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.125.003	-	4.688.000	-
Dài hạn	455.366.830	-	3.589.374.123	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	27.614.399	-	-	-
- Các chi phí trả trước chờ phân bổ giai đoạn ĐTXDCB	427.752.431	-	3.010.736.565	-
- Thuế nhà thầu nước ngoài giai đoạn ĐTXDCB	-	-	578.637.558	-
Cộng	457.491.833	-	3.594.062.123	-



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG ĐIỆN THUẬN BÌNH
Thôn Lạc Trại, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2017	28.182.519.411	779.802.212.460	2.530.021.901	151.405.009	46.502.389	810.712.661.170
- Mua trong năm	-	-	-	37.463.636	-	37.463.636
- Đầu tư XDCB hoàn thành	318.181.818	-	-	-	-	318.181.818
- Phân bổ dự án Phú Lạc I	171.622.885	6.807.980.031	2.977.544	-	115.174	6.982.695.634
- Phân loại lại dự án Phú Lạc	(674.332.377)	(713.785.393)	(64.867.140)	-	(3.016.136)	(1.456.001.046)
- Điều chỉnh sang CCDC	-	-	-	(45.055.100)	-	(45.055.100)
Tại 31/12/2017	27.997.991.737	785.896.407.098	2.468.132.305	143.813.545	43.601.427	816.549.946.112.00
HAO MÓN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2017	(500.028.322)	(16.265.542.967)	(689.662.499)	(118.311.928)	(2.103.593)	(17.575.649.309)
- Khấu hao trong năm	(1.889.050.428)	(60.305.874.252)	(237.202.368)	(17.981.794)	(7.835.076)	(62.457.943.918)
- Điều chỉnh sang CCDC	-	-	-	45.055.100	-	45.055.100
Tại 31/12/2017	(2.389.078.750)	(76.571.417.219)	(926.864.867)	(91.238.622)	(9.938.669)	(79.988.538.127)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2017	27.682.491.089	763.536.669.493	1.840.359.402	33.093.081	44.398.796	793.137.011.861
Tại 31/12/2017	25.608.912.987	709.324.989.879	1.541.267.438	52.574.923	33.662.758	736.561.407.985

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 71.075.909 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ tại ngày 31/12/2017 đã dùng để thế chấp đảm bảo cho khoản vay là 738.163.480.793 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG ĐIỆN THUẬN BÌNH

Thôn Lạc Trĩ, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2017	2.890.852.122	2.890.852.122
- Giảm do phân bổ lại dự án Phú Lạc 1	(326.699.700)	(326.699.700)
Tại 31/12/2017	<u>2.564.152.422</u>	<u>2.564.152.422</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Tại 01/01/2017	(17.369.752)	(17.369.752)
- Khấu hao trong năm	(64.331.700)	(64.331.700)
- Giảm khác	-	-
Tại 31/12/2017	<u>(81.701.452)</u>	<u>(81.701.452)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2017	<u>2.873.482.370</u>	<u>2.873.482.370</u>
Tại 31/12/2017	<u>2.482.450.970</u>	<u>2.482.450.970</u>

BẦY 3AO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Dự án điện gió Phú Lạc giai đoạn 1	-	2.137.759.517
- Chi phí hỗ trợ giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn	-	1.024.909.397
- Chi phí dịch vụ tư vấn	-	1.112.850.120
Dự án điện gió tại Đồng Muối - Vinh Hào - Tuy Phong - Phan Thiết	270.818.182	270.818.182
- Cột đo gió	246.818.182	246.818.182
- Chi phí quản lý dự án	12.000.000	12.000.000
- Điều chỉnh tăng từ dự án Phú Lạc 1 sang Vinh Hào	12.000.000	12.000.000
Dự án điện gió tại Eah'Leo – Tỉnh DakLak	746.830.536	738.636.364
- Cột đo gió	1.239.777.364	1.239.777.364
- Chi phí thuê đất đặt cột đo gió	24.000.000	24.000.000
- Chi phí quản lý dự án	20.194.172	12.000.000
- Điều chỉnh giảm CP Cột đo gió sang dự án Kông Chro - Tỉnh Gia Lai	(561.141.000)	(561.141.000)
- Điều chỉnh tăng từ dự án Phú Lạc 1 sang Eah'Leo	24.000.000	24.000.000
Dự án điện gió tại xã Lợi Hải - Huyện Thuận Bắc - Tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 1	4.522.108.402	2.832.839.066
- Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	1.403.674.114	1.403.474.114
- Chi phí lập dự án đầu tư xây dựng công trình	1.412.727.273	1.412.727.273
- Phí thẩm định, tham gia ý kiến về hồ sơ Thiết kế cơ sở	38.908.500	12.381.000
- Chi phí quản lý dự án	1.034.879	856.679
- Điều chỉnh tăng từ dự án Phú Lạc 1 sang Lợi Hải	3.400.000	3.400.000
- Phí lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội của dự án	1.662.363.636	-
Dự án điện gió tại Kông Chro - Tỉnh Gia Lai	791.362.727	771.853.636
- Cột đo gió	78.163.636	78.000.000
- Thuê đất lắp đặt và bảo vệ cột đo gió	54.000.000	36.000.000
- Điều chỉnh tăng chi phí Cột đo gió từ dự án Eah'Leo sang Kông Chro	561.141.000	561.141.000
- Điều chỉnh tăng chi phí Cột đo gió từ dự án Phú Lạc 1 sang Kông Chro - Tỉnh Gia Lai	62.349.000	62.349.000
- Điều chỉnh tăng chi phí Cột đo gió từ dự án Phú Lạc 1 sang Kông Chro	34.363.636	34.363.636
- Chi phí quản lý dự án	1.345.455	-
Dự án điện mặt trời	622.041.836	-
- Chi phí lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời	359.340.000	-
- Chi phí tư vấn	232.727.273	-
- Chi phí quản lý dự án	29.974.563	-
Cộng	6.953.161.683	6.751.906.765

CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG ĐIỆN THUẬN BÌNH
Thôn Lạc Trì, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các mục số minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2017

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2.046.257.618	2.046.257.618	22.466.995.100	22.466.995.100
- Công ty Fitchner GmbH&Co.KG	1.078.031.970	1.078.031.970	-	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật ứng dụng Việt Nam	900.000.000	900.000.000	-	-
- Tổng Công ty 319	-	-	865.728.000	865.728.000
- Hydrochina Engineering Coporation	-	-	21.576.766.389	21.576.766.389
- Các nhà cung cấp khác	68.225.648	68.225.648	24.500.711	24.500.711
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2017		Số phải nộp trong năm VND		Số đã thực nộp trong năm VND		Tại 31/12/2017 VND	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	872.003.039	1.484.886.064	2.110.799.387	246.089.716	-	-	-	-
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	700.926.064	1.082.416.871	1.783.342.935	-	-	-	-	-
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	12.270.989	12.270.989	-	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.099.500	4.099.500	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	158.171.142	-	158.171.142	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	12.905.833	167.784.706	148.909.813	31.780.726	-	-	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	1.005.008	1.005.008	-	-	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	217.308.990	3.000.000	214.308.990	-	-	-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	-	56.281.577	56.281.577	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	56.281.577	56.281.577	-	-	-	-

HAY SMO

CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG ĐIỆN THUẬN BÌNH

Thôn Lạc Trì, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	23.216.705.538	5.357.159.348
- Trích trước chi phí tư vấn hỗ trợ kỹ thuật	584.990.919	-
- Trích trước chi phí điện ngầm nhà máy điện gió Phú Lạc	10.533.200	16.336.100
- Trích trước chi phí tiền điện	2.271.338	-
- Trích trước chi phí cước dịch vụ viễn thông	8.060.335	-
- Trích trước chi phí vận hành	22.610.849.746	5.340.823.248
Dài hạn	-	-
Cộng	23.216.705.538	5.357.159.348

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	1.658.262.154	1.156.599.761
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.644.812.154	1.138.149.761
- Thủ lao HDQT và BKS	13.450.000	18.450.000
Dài hạn	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	1.658.262.154	1.156.599.761

CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG ĐIỆN THUẬN BÌNH
Thôn Lạc Trĩ, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2017

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2017		Trong năm		Tại 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	69.501.561.892	69.501.561.892	69.518.747.966	60.318.568.348	60.301.382.274	60.301.382.274
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	69.501.561.892	69.501.561.892	69.518.747.966	60.318.568.348	60.301.382.274	60.301.382.274
Vay dài hạn	600.343.367.776	600.343.367.776	81.153.810.256	69.518.747.966	588.708.305.486	588.708.305.486
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	600.343.367.776	600.343.367.776	81.153.810.256	69.518.747.966	588.708.305.486	588.708.305.486
Cộng (*)	669.844.929.668	669.844.929.668	150.672.558.222	129.837.316.314	649.009.687.760	649.009.687.760

(*) Khoản vay vốn theo Hiệp định vay vốn giữa Ngân hàng Tài Thiết Đức (KfW) và nước CHXHCN Việt Nam cho Dự án “Nhà máy điện gió Phú Lạc – Giai đoạn 1” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và giao cho Bộ Tài chính ký kết Hiệp định vay của dự án này với Ngân hàng Tài thiết Đức (KfW). Theo các điều kiện vay lại cụ thể được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ, Bộ Tài chính đã ký Hợp đồng Ủy quyền cho vay lại số 01/2014 UQ/BTC-QLN ngày 13/01/2014 với Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFinance) về việc ủy quyền cho vay lại vốn vay ODA ưu đãi KfW của Chính phủ để đầu tư dự án Nhà máy điện gió Phú Lạc – giai đoạn 1 với tổng số tiền cho vay lại là ba mươi lăm triệu Euro.

Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực đã ký hợp đồng cho vay lại số 01/2014/HĐCVL/TCĐL-TBW/Phú Lạc 1 ngày 10/02/2014 với Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình cho vay lại vốn vay ODA ưu đãi KfW của Chính phủ để đầu tư dự án Nhà máy điện gió Phú Lạc – giai đoạn 1 với tổng số tiền vay là ba mươi lăm triệu Euro, lãi suất cho vay cố định 1,25%/năm, thời hạn vay 15 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay với tổng giá trị tài sản thế chấp tạm tính theo tổng mức đầu tư được duyệt 1.089.075.645.782 VND.

Tại ngày 31/12/2017, tổng số dư của khoản vay là 24.577.857,55 EUR, trong đó, số đến hạn trả trong năm 2018 là 2.550.141,7 EUR.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2016	82.000.000.000	487.496.514	16.813.812	866.825.078	83.371.135.404					
- Tăng vốn trong năm	74.800.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	74.800.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	59.915.664.747	39.915.664.747	-	-	-	-	39.915.664.747
- Trích lập các quỹ	-	103.493.000	17.249.000	(120.742.000)	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	42.957.072	-	42.957.072	-	-	-	-	42.957.072
- Giảm khác	-	(42.957.072)	-	-	(42.957.072)	-	-	-	-	(42.957.072)
Tại 31/12/2016	156.800.000.000	548.032.442	77.019.884	40.661.747.825	198.086.800.151					
Tại 01/01/2017	156.800.000.000	548.032.442	77.019.884	40.661.747.825	198.086.800.151					
- Tăng vốn trong năm	6.200.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	6.200.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(64.745.752.664)	(64.745.752.664)	-	-	-	-	(64.745.752.664)
- Trích lập các quỹ (*)	-	636.292.000	-	(636.292.000)	-	-	-	-	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(530.244.000)	(530.244.000)	-	-	-	-	(530.244.000)
Tại 31/12/2017	163.000.000.000	1.184.324.442	77.019.884	(25.250.540.839)	139.010.803.487					

(*) Công ty trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 02/2017/NQ-TBW-DHĐCD ngày 23/06/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG ĐIỆN THUẬN BÌNH

Thôn Lạc Trì, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****18.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	25,00%	40.750.000.000	25,99%	40.750.000.000
Công ty CP Cơ Điện Lạnh	25,00%	40.750.000.000	25,99%	40.750.000.000
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	20,00%	32.600.000.000	16,84%	26.400.000.000
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	20,00%	32.600.000.000	20,79%	32.600.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	10,00%	16.300.000.000	10,40%	16.300.000.000
Cộng	100%	163.000.000.000	100%	156.800.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 240.000.000.000 VND, đến thời điểm 31/12/2017 số vốn cần phải góp bổ sung là 77.000.000.000 đồng.

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	156.800.000.000	82.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	6.200.000.000	74.800.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	163.000.000.000	156.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

18.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2017 Cổ phiếu	Tại 01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.300.000	15.680.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.300.000	15.680.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.300.000	15.680.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.300.000	15.680.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.5 CÁC QUỸ

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.184.324.442	548.032.442
- Quỹ đầu tư phát triển	1.098.410.299	462.118.299
- Quỹ dự phòng tài chính	85.914.143	85.914.143
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	77.019.884	77.019.884
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	77.019.884	77.019.884
Cộng	1.261.344.326	625.052.326

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	111.830.102.831	27.480.249.276
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.698.666.667	1.000.000.000
Cộng	113.528.769.498	28.480.249.276
Doanh thu với các bên liên quan	-	-

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	80.794.716.706	22.717.485.186
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.406.119.701	386.636.572
Cộng	82.200.836.407	23.104.121.758

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.322.062.643	427.273.615
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.406.920	9.643.249
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.512.863.348	28.966.572.082
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm	-	9.052.353.363
Cộng	3.839.332.911	38.455.842.309

CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG ĐIỆN THUẬN BÌNH

Thôn Lạc Trị, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***BẢN BÁO****22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	9.213.440.006	1.743.955.759
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.525.783.928	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm	78.053.884.906	-
Cộng	92.793.108.840	1.743.955.759

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 (phân loại lại) VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	7.111.367.695	1.966.904.718
- Chi phí nhân viên quản lý	5.872.155.150	1.355.951.909
- Chi phí đồ dùng văn phòng	21.785.602	1.750.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	140.316.154	44.697.452
- Thuế phí, lệ phí	4.005.008	5.111.016
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.035.432.013	423.043.170
- Chi phí bằng tiền khác	37.673.768	136.351.171
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thuế bị phạt, bị truy thu	8.996.675	2.648.407
Phạt do vi phạm không tái xuất hàng hoá dùng thời gian đăng kí với Cơ quan Hải quan	5.000.000	-
Các khoản chi phí khác	-	5.572
Cộng	13.996.675	2.653.979

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 (phân loại lại) VND
Chi phí nhân công	7.250.496.578	1.728.139.881
Chi phí đồ dùng, công cụ dụng cụ	29.431.599	13.672.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.462.365.103	16.920.836.662
Thuế, phí và lệ phí	4.005.008	5.111.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.417.378.059	6.165.780.199
Chi phí khác bằng tiền khác	17.896.790.685	237.486.718
Cộng	89.060.467.032	25.071.026.476

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(64.745.752.664)	40.118.455.391
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	3.610.535.263	274.675.874
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	3.610.535.263	274.675.874
Thu lao HDQT và BKS	2.567.554.166	271.095.834
Chi phí lãi vay không được trừ	996.534.722	-
Chi phí không được trừ khác	46.446.375	3.580.040
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(61.135.217.401)	40.393.131.265
- Thu nhập từ hoạt động bán điện và hoạt động tài chính	(61.353.929.340)	39.379.178.044
- Thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ và thu nhập khác	218.711.939	1.013.953.221
Thuế suất thuế TNDN		
- Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	0%	0%
- Thuế suất hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi thuế	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	202.790.644
Cộng thuế TNDN hiện hành	-	202.790.644

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(64.745.752.664)	39.915.664.747
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(530.244.000)
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	16.136.932	9.988.822
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(4,012)	3,943

(*) Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về số trích quỹ này được phê duyệt năm 2016. Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 02/2017/NQ-TBW-DHDCD ngày 23/06/2017, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2016 với giá trị là 530.244.000 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2016 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***28. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(64.745.752.664)	39.915.664.747
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(530.244.000)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	16.136.932	9.988.822
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	<u>(4.012)</u>	<u>3.943</u>

(*) Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán, lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về số trích quỹ này được phê duyệt năm 2016. Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 02/2017/NQ-TBW-DHDCD ngày 23/06/2017, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2016 với giá trị là 530.244.000 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2016 khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: bán điện và dịch vụ vận hành trạm biến áp. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh. Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Báo cáo chính yếu. Công ty hoạt động trong trong một môi trường kinh tế, không có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt đáng kể nên không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm 2017	Bán điện	Dịch vụ vận hành Trạm biến áp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	111.830.102.831	1.698.666.667	113.528.769.498
Giảm trừ doanh thu	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	111.830.102.831	1.698.666.667	113.528.769.498
Giá vốn bộ phận	(80.794.716.706)	(1.406.119.701)	(82.200.836.407)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	31.035.386.125	292.546.966	31.327.933.091
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	(7.111.367.695)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	24.216.565.396
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	3.839.332.911
Chi phí tài chính	-	-	(92.793.108.840)
Thu nhập khác	-	-	5.454.544
Chi phí khác	-	-	(13.996.675)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	(64.745.752.664)
Tổng Tài sản			836.375.288.624
Tổng Nợ phải trả			697.364.485.137

CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG ĐIỀN THUẬN BÌNH
Thôn Lạc Trì, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2016

	Bán điện	Dịch vụ vận hành Trạm biến áp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.480.249.276	1.000.000.000	28.480.249.276
Giảm trừ doanh thu	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.480.249.276	1.000.000.000	28.480.249.276
Giá vốn bộ phận	(22.717.485.186)	(386.636.572)	(23.104.121.758)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.762.764.090	613.363.428	5.376.127.518
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	(1.966.904.718)
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>	-	-	3.409.222.800
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	38.455.842.309
Chi phí tài chính	-	-	(1.743.955.759)
Thu nhập khác	-	-	20
Chi phí khác	-	-	(2.653.979)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	(202.790.644)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	-	39.915.664.747
Tổng Tài sản			877.202.268.604
Tổng Nợ phải trả			679.115.468.453

BẤM SẠO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210") yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

	Giá trị ghi số	
	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.601.726.440	18.355.645.936
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.025.422.549	31.308.787.676
Cộng	75.627.148.989	49.664.433.612
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính	669.844.929.668	649.009.687.760
Phải trả người bán và phải trả khác	3.704.519.772	23.623.594.861
Chi phí phải trả	23.216.705.538	5.357.159.348
Cộng	696.766.154.978	677.990.441.969
Trạng thái ròng	(621.139.005.989)	(628.326.008.357)

TÀI SẢN ĐẢM BẢO*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp cho đơn vị khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)



30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

TÀI SẢN ĐẢM BẢO (TIẾP)

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2017.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch vay, mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Euro ("EUR") và đồng Đô la Mỹ ("USD").

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty có phát sinh giao dịch với các đối tác nước ngoài, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Ban Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty thực hiện giao dịch với các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro về giá nếu yếu tố giá đầu vào của các dịch vụ được cung cấp biến động. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì Công ty đánh giá các khoản phải thu là từ khách hàng lớn và có uy tín hoạt động trong ngành.

RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Nợ phải trả tài chính	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017				
Vay và nợ thuê tài chính	69.501.561.892	600.343.367.776	-	669.844.929.668
Phải trả người bán và phải trả khác	3.704.519.772	-	-	3.704.519.772
Chi phí phải trả	23.216.705.538	-	-	23.216.705.538
Cộng	96.422.787.202	600.343.367.776	-	696.766.154.978
Tại 01/01/2017				
Vay và nợ thuê tài chính	60.301.382.274	314.312.945.995	274.395.359.491	649.009.687.760
Phải trả người bán và phải trả khác	23.623.594.861	-	-	23.623.594.861
Chi phí phải trả	5.357.159.348	-	-	5.357.159.348
Cộng	89.282.136.483	314.312.945.995	274.395.359.491	677.990.441.969

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG ĐIỆN THUẬN BÌNH

Thôn Lạc Trĩ, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.601.726.440	-	-	44.601.726.440
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.025.422.549	-	-	31.025.422.549
Cộng	75.627.148.989	-	-	75.627.148.989
Tại 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.355.645.936	-	-	18.355.645.936
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.308.787.676	-	-	31.308.787.676
Cộng	49.664.433.612	-	-	49.664.433.612

31. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**31.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TANG**

Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

31.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

31.3 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Số dư với các bên liên quan**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán	1.078.000.000	454.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	1.078.000.000	454.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.450.000	18.450.000
Thủ lao HĐQT và BKS	13.450.000	18.450.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.3 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

<u>Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc</u>	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của HĐQT, Ban kiểm soát	344.222.570	286.500.000
Tiền lương và thù lao	344.222.570	286.500.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	885.654.625	838.191.091
Tiền lương	885.654.625	838.191.091
Cộng	1.229.877.195	1.124.691.091

31.4 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

31.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được tính toán lại như được nêu tại mục 27 và 28 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, chi tiết như sau:

Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Năm 2016 theo BCTC 31/12/2016 đã kiểm toán	Năm 2016 sau điều chỉnh
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.996	3.943
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	3.996	3.943

Bình Thuận, ngày 02 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Phạm Thị Đoan

Kế toán trưởng

Đinh Gia Tuấn

Giám đốc



Bùi Văn Thịnh